

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NGHỊ ĐỊNH**  
**QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI**

Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 122/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới.<sup>1</sup>*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định chi tiết các hoạt động thương mại biên giới quy định tại Điều 53 và Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của thương nhân, cư dân biên giới; các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa và các hoạt động liên quan đến mua bán, trao đổi hàng hóa quy định trong điều ước quốc tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước có chung biên giới.

2. Hoạt động tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu và quá cảnh không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

<sup>1</sup> Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới.”*



## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thương nhân, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thương mại biên giới.
2. Các cơ quan, tổ chức quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thương mại biên giới.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nước có chung biên giới là nước có chung đường biên giới đất liền với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Cam-pu-chia.
2. Cửa khẩu khác và nơi mở ra cho qua lại biên giới là cửa khẩu phụ, lối mở biên giới theo quy định của pháp luật về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.
- 3.<sup>2</sup> Cư dân biên giới thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này là công dân Việt Nam có nơi thường trú tại xã, phường, thị trấn hoặc đơn vị hành chính tương đương có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới quốc gia trên đất liền.
4. Chợ biên giới bao gồm chợ hoặc khu, điểm chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong khu kinh tế cửa khẩu nằm trên địa bàn xã, phường, thị trấn hoặc khu vực hành chính tương đương có một phần địa giới hành chính trùng với biên giới quốc gia trên đất liền, đồng thời có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, trao đổi hàng hóa của thương nhân và cư dân biên giới.
5. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân là hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

## **Điều 4. Thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới**

1. Hoạt động thương mại biên giới được thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, đồng Việt Nam hoặc đồng tiền của nước có chung biên giới.
- 2.<sup>3</sup> Phương thức thanh toán
  - a) Thanh toán qua ngân hàng;
  - b) Thanh toán bù trừ giữa hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu với hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu (phần chênh lệch thanh toán qua ngân hàng);

<sup>2</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

<sup>3</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.



c) Thanh toán bằng tiền mặt chỉ áp dụng đối với hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.

**Điều 4a. Tiêu chuẩn hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới<sup>4</sup>**

Hàng hóa trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân, cư dân biên giới phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, chất lượng, quy định về truy xuất nguồn gốc và các điều kiện khác theo quy định pháp luật của nước nhập khẩu.

**Chương II**

**HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI CỦA THƯƠNG NHÂN**

**Điều 5. Thương nhân mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới**

1. Thương nhân được thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới là thương nhân Việt Nam, bao gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thương nhân có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, công ty và chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới theo cam kết của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Điều 6. Cửa khẩu biên giới thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân**

1. Cửa khẩu biên giới thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương.

2. Trường hợp hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới thực hiện qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quyết định, công bố Danh mục các cửa khẩu phụ, lối mở biên giới được phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa sau khi trao đổi, thống nhất với các bộ, ngành liên quan về việc đảm bảo có đủ lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước.

3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua các địa điểm khác không phải là cửa khẩu phụ, lối mở biên giới theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Trên cơ sở ý kiến cho phép của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới thống nhất với các bộ, ngành liên quan về việc đảm bảo có đủ lực lượng kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước.

<sup>4</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.



### **Điều 7. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của thương nhân**

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của thương nhân phải tuân thủ quy định của Luật Quản lý ngoại thương và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế.

2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới ban hành Danh mục hàng hóa được phép mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân trong từng thời kỳ.

### **Điều 8. Kiểm dịch, kiểm tra an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của thương nhân**

Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của thương nhân phải tuân thủ các quy định của pháp luật, điều ước quốc tế về kiểm dịch y tế; kiểm dịch động vật, thực vật, kiểm dịch thủy sản; kiểm tra chất lượng hàng hóa; kiểm tra về an toàn thực phẩm.

### **Điều 9. Hình thức thỏa thuận trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân**

1. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thương nhân Việt Nam với thương nhân hoặc cá nhân của nước có chung biên giới bằng một trong các hình thức sau:

a) Hợp đồng bằng văn bản.

b) Trường hợp không xác lập hợp đồng bằng văn bản thì thương nhân phải lập bảng kê hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới. Thương nhân Việt Nam ký tên, đóng dấu và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của bảng kê, có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng.

2. Bảng kê mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

### **Điều 10. Chính sách thuế, phí và lệ phí**

1. Thương nhân hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Hàng hóa xuất khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân quy định tại Nghị định này được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

4. Thuế, phí và lệ phí trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật.



### **Chương III**

## **HOẠT ĐỘNG MUA BÁN, TRAO ĐỔI HÀNG HÓA CỦA CƯ DÂN BIÊN GIỚI**

### **Điều 11. Cửa khẩu biên giới thực hiện mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới**

Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới được thực hiện qua các cửa khẩu, lối mở biên giới quy định tại Điều 6 Nghị định này.

### **Điều 12. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới**

1. Hàng hóa của cư dân biên giới là hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam hoặc nước có chung biên giới do cư dân biên giới mua bán, trao đổi ở khu vực biên giới hai nước để phục vụ các nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới.

2. Bộ Công Thương ban hành Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 13. Thuế đối với hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới**

1. Cư dân biên giới mua bán, trao đổi hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới do Bộ Công Thương ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này được hưởng định mức miễn thuế theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Phần giá trị hàng hóa vượt định mức quy định tại khoản 1 Điều này phải chịu thuế nhập khẩu và các loại thuế, phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

### **Điều 14. Quản lý mua gom hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới**

1. Hàng hóa trong định mức theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này nhưng cư dân biên giới không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2. Thương nhân được thực hiện mua gom hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này tại khu vực chợ biên giới và phải lập bảng kê mua gom hàng hóa.

3. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới quy định tại khoản 1 Điều này khi mua gom phải thực hiện kiểm dịch, kiểm tra về an toàn thực phẩm, kiểm tra chất lượng theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn, quy định việc thu thuế đối với hàng hóa trong định mức nhưng không sử dụng cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới quy định tại khoản 1 Điều này.



**Điều 15. Kiểm dịch, kiểm tra chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm trong hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới**

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không phải thực hiện kiểm dịch y tế, trừ trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông báo có dịch bệnh truyền nhiễm, nguy cơ dịch bệnh truyền nhiễm xảy ra thì phải kiểm dịch y tế.

2. Hàng hóa thuộc diện phải kiểm dịch động vật, thực vật và kiểm dịch thủy sản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công bố trong từng thời kỳ phải được kiểm dịch theo quy định của pháp luật.

3. Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới không phải kiểm tra, kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này.

## **Chương IV CHỢ BIÊN GIỚI**

**Điều 16. Chủ thể hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới**

1.<sup>5</sup> Thương nhân, công dân mang quốc tịch Việt Nam đã đăng ký cư trú tại khu vực biên giới.

2.<sup>6</sup> Thương nhân, công dân mang quốc tịch của nước có chung đường biên giới, có Hộ chiếu hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu và thị thực, trừ trường hợp được miễn thị thực, còn giá trị sử dụng theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15; thương nhân, hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh của nước có chung đường biên giới đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật của nước có chung đường biên giới.

3. Thương nhân, hộ kinh doanh, cá nhân có đăng ký kinh doanh của nước có chung biên giới chỉ được phép mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới và phải thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 17. Hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới**

Hoạt động kinh doanh tại chợ biên giới thực hiện theo các quy định sau:

---

<sup>5</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

<sup>6</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.



1. Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển, quản lý chợ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Các điều ước quốc tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước có chung biên giới.

### **Điều 18. Hàng hóa được mua bán, trao đổi tại chợ biên giới**

1. Hàng hóa được mua bán, trao đổi tại chợ biên giới phải là hàng hóa được phép lưu thông trên thị trường Việt Nam theo các quy định của pháp luật.

2. Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới để kinh doanh tại chợ biên giới phải tuân thủ các quy định của Nghị định này.

### **Điều 19. Kiểm dịch đối với hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới**

1. Hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới thuộc đối tượng phải kiểm dịch y tế, kiểm dịch động vật, thực vật, thủy sản theo quy định của pháp luật về kiểm dịch y tế, kiểm dịch động vật, thực vật, thủy sản.

2. Hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới phải kiểm tra, kiểm soát về chất lượng, an toàn thực phẩm.

3. Khi hàng hóa được nhập khẩu từ nước có chung biên giới đưa vào chợ biên giới phải thực hiện kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch tại cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu. Hàng hóa xuất khẩu từ chợ biên giới sang nước có chung biên giới thực hiện kiểm dịch theo quy định của pháp luật.

### **Điều 20. Quy định về thuế, phí, lệ phí đối với hàng hóa mua bán, trao đổi tại chợ biên giới**

Thương nhân, tổ chức, hộ kinh doanh và cá nhân có đăng ký kinh doanh trong chợ biên giới phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về thuế, phí, lệ phí: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, lệ phí môn bài và các loại thuế, phí khác (nếu có).

## **Chương V**

### **XUẤT NHẬP CẢNH NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI**

#### **Điều 21. Xuất nhập cảnh người và phương tiện của Việt Nam**

1.<sup>7</sup> Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện,

<sup>7</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.



người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền là công dân Việt Nam thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 23/2023/QH15.

Riêng người điều khiển phương tiện, ngoài giấy tờ quy định nêu trên còn phải có giấy phép điều khiển phương tiện phù hợp với loại phương tiện điều khiển.

2. Chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa khi vào các địa điểm tại khu vực biên giới phải xuất trình hoặc nộp các giấy tờ theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.<sup>8</sup> Phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của Việt Nam được đi qua các cửa khẩu, lối mở biên giới quy định tại Nghị định này để ra hoặc vào chợ biên giới của nước có chung đường biên giới, phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở biên giới.

4. Việc quản lý phương tiện của Việt Nam xuất nhập cảnh qua biên giới để giao nhận hàng hóa ngay tại khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới sau đó quay lại trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại biên giới thực hiện theo quy định pháp luật.

5. Người và phương tiện vận tải hàng hóa quy định tại Điều này có nhu cầu đi vào điểm chuyển tải hàng hóa được quy định tại Hiệp định vận tải giữa Chính phủ Việt Nam và các nước có chung biên giới để giao nhận hàng hóa thì phải thực hiện theo các quy định của Hiệp định, Nghị định thư và các văn bản thỏa thuận khác đã ký kết giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước có chung biên giới về xuất nhập cảnh và vận tải hàng hóa.

## **Điều 22. Xuất nhập cảnh người và phương tiện của nước có chung biên giới**

1.<sup>9</sup> Chủ hàng hoặc người được chủ hàng ủy quyền, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa, nhân viên phục vụ trên xe, tàu, thuyền là người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh qua cửa khẩu biên giới thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của

<sup>8</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

<sup>9</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.



người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15.

2. Phương tiện vận tải hàng hóa của nước có chung biên giới được qua các cửa khẩu biên giới theo quy định của Nghị định này để vào các điểm giao, nhận hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam quy định tại khu vực biên giới.

3.<sup>10</sup> Phương tiện và công dân của nước có chung đường biên giới là người điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa và chủ thể kinh doanh của nước có chung đường biên giới khi ra, vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam để vận chuyển hàng hóa phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát, kiểm dịch của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.

4. Phương tiện của nước có chung biên giới vào khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới của Việt Nam để giao nhận hàng hóa sau đó quay về nước ngay trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại khu vực biên giới trong ngày không phải kê khai tờ khai hải quan và nộp hồ sơ phương tiện nhưng phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát, kiểm dịch của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu.

5. Việc quản lý phương tiện của nước có chung biên giới vào khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới của Việt Nam để giao nhận hàng hóa ngay tại khu vực cửa khẩu sau đó quay lại trong ngày và phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại biên giới thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Trường hợp người và phương tiện của nước có chung biên giới có nhu cầu đi vào các địa điểm khác ngoài khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới để giao nhận hàng hóa thì phải thực hiện theo các quy định của Hiệp định, Nghị định thư và các văn bản thỏa thuận khác đã ký kết giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước có chung biên giới về xuất nhập cảnh và vận tải hàng hóa.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH**

#### **Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Công Thương**

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan để tham mưu cho Chính

---

<sup>10</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.



phủ, Thủ tướng Chính phủ quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới.

3. Phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới trong việc chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn hoạt động thương mại biên giới theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quy định việc thực hiện hoạt động thương mại biên giới đối với cửa khẩu phụ, lối mở biên giới.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới điều tiết hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới của thương nhân trong trường hợp ách tắc hoặc có khả năng ách tắc hàng hóa tại cửa khẩu, lối mở biên giới của các tỉnh biên giới, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp cần thiết khác.

6. Hợp tác, trao đổi, thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền của các nước có chung biên giới về cơ chế phối hợp trong quản lý hoạt động thương mại biên giới.

7. Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động thương mại biên giới.

#### **Điều 24. Trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan**

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước tại các cửa khẩu biên giới trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2.<sup>11</sup> Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới:

a) Hướng dẫn thực hiện chính sách thuế, phí và lệ phí;

b) Thực hiện thủ tục, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

3. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch y tế biên giới, kiểm tra về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại biên giới.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm dịch động vật, thực vật, kiểm dịch thủy sản, về an toàn thực phẩm theo

<sup>11</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.



quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong hoạt động thương mại biên giới.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn thực hiện công tác kiểm tra về chất lượng hàng hóa trong hoạt động thương mại biên giới.

6. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan tạo điều kiện phát triển về hạ tầng giao thông phục vụ cho hoạt động thương mại biên giới; hướng dẫn thực hiện các điều ước quốc tế và các quy định có liên quan đối với phương tiện xuất nhập cảnh qua biên giới.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quản lý, hướng dẫn về thanh toán trong hoạt động thương mại biên giới.

8. Bộ Công an theo chức năng, nhiệm vụ cùng với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới thực hiện quản lý cư trú khu vực biên giới; phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới bảo vệ an ninh biên giới, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới, quản lý xuất cảnh, nhập cảnh người, phương tiện trong hoạt động thương mại biên giới; tăng cường hợp tác quốc tế với cơ quan chức năng các nước trong đấu tranh, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại biên giới.

9. Các bộ, ngành liên quan phối hợp với Bộ Công Thương để thống nhất hướng dẫn, chỉ đạo việc quản lý và điều hành hoạt động thương mại biên giới thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

### **Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới**

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động thương mại tại cửa khẩu biên giới trên địa bàn theo quy định của pháp luật và Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

2. Thực hiện các chỉ đạo điều hành về hoạt động thương mại biên giới của Bộ Công Thương và các bộ, ngành có liên quan.

3. Chủ động xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư, phát triển các hoạt động hỗ trợ thương mại tại khu vực cửa khẩu.


4. Chỉ đạo các sở, ngành, cơ quan liên quan của tỉnh theo dõi sát tình hình hoạt động thương mại biên giới; định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất báo cáo về Bộ Công Thương tình hình hoạt động thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh.

5. Ban hành Danh mục cửa khẩu phụ, lối mở biên giới theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

6. Áp dụng các biện pháp xử lý ách tắc hàng hóa trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Quản lý ngoại thương.



**Điều 26. Hiệu lực thi hành<sup>12</sup>**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 01 năm 2018.
2. Bãi bỏ Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.
3. Các văn bản công bố cửa khẩu phụ, lối mở được phép thực hiện hoạt động thương mại biên giới của Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới đã ban hành theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg và các Thông tư ban hành theo Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg trước khi Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo thời hạn hiệu lực được nêu trong văn bản đó.
4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. 

**BỘ CÔNG THƯƠNG****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**Số: 25 /VBHN-BCTHà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2024**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng website BCT);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG về VBPL);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, XNK.

**KT, BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG****Nguyễn Sinh Nhật Tân**

<sup>12</sup> Điều 2 của Nghị định số 122/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 quy định như sau:

**“Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.
2. Trong năm 2029, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh số lần được miễn thuế và số tiền được miễn thuế cho nhập khẩu hàng hoá theo hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.
3. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2029, khi thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa qua biên giới, cư dân biên giới phải có mặt để làm thủ tục xuất nhập khẩu.
4. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2030, hàng hoá chỉ được làm thủ tục xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu quốc tế; cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương); cửa khẩu phụ; lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa thuộc cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương); lối mở biên giới đã hoàn thành trình tự mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới, lối mở biên giới theo quy định pháp luật hiện hành và đã đạt thỏa thuận song phương về cho phép xuất khẩu, nhập khẩu, trao đổi hàng hóa.
5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”



